

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2013/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 05 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất và Nghị định 44/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 135/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BKH ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện đầu tư dự án có sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định Quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 27/2010/QĐ-UBND ngày 23/6/2010 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy định tạm thời một số chính sách ưu đãi về đất đai trong lĩnh vực đối với các dự án xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND ngày 05/7/2011 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc bổ sung danh mục ưu đãi về đất đai đối với các dự án xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Cao

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động
trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao,
môi trường trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND
ngày 05/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh: Lĩnh vực xã hội hóa được điều chỉnh tại quy định này bao gồm: giáo dục - đào tạo; dạy nghề; y tế; văn hóa; thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở ngoài công lập được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa, bao gồm:

- Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm cơ sở dân lập và cơ sở tư nhân (hoặc tư thực đối với giáo dục - đào tạo, dạy nghề), hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa.

- Các cơ sở ngoài công lập đã được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập; Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao.

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(Sau đây gọi tắt là cơ sở thực hiện xã hội hóa).

3. Đối với các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa: Việc áp dụng các chính sách ưu đãi quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP thực hiện theo Quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ quản lý chuyên ngành có liên quan.

Điều 2. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải thuộc danh mục loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn đã được quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Dự án xã hội hóa phải nằm trong danh mục dự án xã hội hóa được UBND tỉnh công bố cho từng giai đoạn.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa:

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được thành lập, cấp phép hoạt động phải đảm bảo theo quy hoạch và đáp ứng các điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa được quy định tại mục 1 Điều 2.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa hoạt động theo nguyên tắc tự đảm bảo kinh phí.

3. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện giao đất, cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; có chính sách hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa đã tự thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng kể từ ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ có hiệu lực thi hành.

4. Các cơ quan Nhà nước, xã hội coi trọng và đối xử bình đẳng trong hoạt động cũng như đối với các sản phẩm và dịch vụ của cơ sở thực hiện xã hội hóa như cơ sở công lập. Các cơ sở thực hiện xã hội hóa được tham gia các dịch vụ công do nhà nước tài trợ, đặt hàng; tham gia đấu thầu nhận các hợp đồng, dự án sử dụng nguồn vốn trong và ngoài nước phù hợp với chức năng nhiệm vụ hoạt động theo quy định của pháp luật.

5. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được liên doanh, liên kết với các tổ chức theo quy định của pháp luật nhằm huy động vốn, nhân lực, công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

6. Tài sản của cơ sở thực hiện xã hội hóa bao gồm tài sản của cá nhân, tập thể, tài sản của các cơ sở sự nghiệp công lập tham gia góp vốn khi thành lập và phân tài sản được hình thành trong quá trình hoạt động; trong đó tài sản được hiến, tặng hoặc viện trợ không hoàn lại trong quá trình hoạt động của cơ sở thực hiện xã hội hóa không được chia cho cá nhân, chỉ sử dụng chung cho lợi ích của cơ sở và cộng đồng.

7. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa ngừng hoạt động, phải giải thể thì thực hiện trình tự, thủ tục giải thể, xử lý tài sản, tài chính theo quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp.

Chương II**CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN XÃ HỘI HÓA****Điều 4. Chính sách cho thuê nhà, xây dựng cơ sở vật chất**

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được ưu tiên thuê dài hạn nhà thuộc sở hữu nhà nước, cơ sở hạ tầng được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách của tỉnh với mức giá ưu đãi để cung cấp các sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực xã hội hóa.

Mức giá cho thuê ưu đãi tối đa không bao gồm tiền thuê đất, tiền đền bù giải phóng mặt bằng (nếu có) và lãi của cơ sở kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng theo dự án xã hội hóa được duyệt và được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể đối với từng dự án như sau:

- Đối với nhà, cơ sở hạ tầng hiện có, giá cho thuê được xác định trên cơ sở đánh giá lại giá trị tài sản theo quy định hiện hành về quản lý tài sản.

- Đối với nhà, cơ sở hạ tầng đầu tư xây dựng mới được xác định bằng giá xây dựng mới (bao gồm cả thuế của đơn vị xây dựng), không bao gồm tiền thuê đất, đền bù giải phóng mặt bằng, tiền lãi của cơ sở kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng.

2. Trường hợp cơ sở xã hội hóa xây dựng nhà, cơ sở vật chất nằm trong các dự án, khu đô thị mới đã xây dựng cơ sở hạ tầng bằng nguồn vốn ngân sách và phải hoàn trả chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng, thì được nhà nước hỗ trợ tiền đền bù giải phóng mặt bằng trong tổng số chi phí đầu tư hạ tầng phải hoàn trả cho ngân sách.

Điều 5. Chính sách miễn, giảm tiền thuê đất

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa theo các hình thức:

- a) Giao đất không thu tiền sử dụng đất;
- b) Cho thuê đất và miễn tiền thuê đất;
- c) Giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất.

2. Đối với đất đô thị, đất ở việc miễn, giảm thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được quy định cụ thể như sau:

2.1 Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế:

a) Cơ sở thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng: Cơ sở bảo trợ xã hội được miễn 100% tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi đầu tư xây dựng trên địa bàn toàn tỉnh.

b) Các cơ sở xã hội hóa đầu tư vào lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế còn lại.

b.1) Được miễn 100% tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án đầu tư vào địa bàn xã thuộc các huyện, thị xã và khu Kinh tế Chân Mây - Lăng Cô.

b.2) Được giảm 70% tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án khi đầu tư vào địa bàn thị trấn thuộc các huyện, các phường thuộc thị xã Hương Thủy và thị xã Hương Trà.

b.3) Được giảm 30% tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi đầu tư vào địa bàn thành phố Huế và khu đô thị An Vân Dương.

Riêng đối với các dự án thuộc loại hình phòng khám Đa khoa không được hưởng các ưu đãi nêu trên khi đầu tư vào địa bàn thị xã Hương Trà, thị xã Hương Thủy và thành phố Huế.

2.2 Đối với lĩnh vực Văn hóa, thể thao

a) Cơ sở thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng: bảo tàng; bể bơi; cơ sở đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao năng khiếu và thành tích cao được miễn 100% tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án đầu tư vào địa bàn toàn tỉnh.

b) Các cơ sở xã hội hóa đầu tư vào lĩnh vực Văn hóa, thể thao còn lại.

b.1) Được miễn 100% tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án đầu tư vào địa bàn xã thuộc các huyện, thị xã và khu Kinh tế Chân Mây - Lăng Cô.

b.2) Được giảm 70% tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án khi đầu tư vào địa bàn thị trấn thuộc các huyện, các phường thuộc thị xã Hương Thủy và thị xã Hương Trà.

b.3) Được giảm 30% tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi đầu tư vào địa bàn thành phố Huế và khu đô thị An Vân Dương.

2.3. Đối với lĩnh vực môi trường

- Được miễn 100% tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án đầu tư vào địa bàn toàn tỉnh.

3. Trường hợp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất nhưng cơ sở thực hiện xã hội hóa có nguyện vọng được thực hiện theo phương thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê để thực hiện dự án đầu tư (không thực hiện theo quy định miễn tiền sử dụng đất) thì được thực hiện theo quy định hiện hành về thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê và được trừ chi phí bồi thường đất, hỗ trợ đất đã ứng trước (nếu có) vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và có các quyền và nghĩa vụ như tổ chức kinh tế được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

Điều 6. Chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư

1. Hàng năm, UBND tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách để giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch cho các dự án xã hội hóa theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dành cho lĩnh vực xã hội hóa.

2. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa được giao đất, cho thuê đất nhưng chưa được giải phóng mặt bằng và nhà đầu tư có nhu cầu ứng trước kinh phí để thực hiện giải phóng mặt bằng thì nhà đầu tư được sử dụng kinh phí bảo đảm đầu tư dự án để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư. Trường hợp chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lớn hơn kinh phí bảo đảm đầu tư dự án thì phần kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lớn hơn kinh phí bảo đảm đầu tư dự án thì nhà đầu tư ứng trước để chi trả. Sau khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại Quyết định 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh sẽ hoàn trả 100% chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư mà nhà đầu tư đã ứng trước để chi trả theo quy định tại điểm 3 dưới đây.

3. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa đã ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án xã hội hóa theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì số kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư đã đầu tư đối với diện tích đất phục vụ hoạt động xã hội hóa sẽ được UBND tỉnh xem xét hoàn trả theo tiến độ thực hiện dự án cụ thể như sau:

a) Hoàn trả 50% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi giá trị đầu tư công trình hoàn thành tương ứng với 60% của tổng giá trị công trình được duyệt.

b) Hoàn trả 100% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại Quyết định 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Thuế thu nhập doanh nghiệp, lệ phí trước bạ, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo Điều 8 Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ và mục VI Thông tư số 135/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính và theo quy định hiện hành của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được ưu đãi về lệ phí trước bạ, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định hiện hành của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất, Luật Thuế nhập khẩu và các quy định hiện hành khác.

Điều 8. Chính sách ưu đãi về tín dụng

Cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi, đối tượng, điều kiện quy định tại Quy định này được vay vốn tín dụng ưu đãi đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo quy định hiện hành về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

Điều 9. Áp dụng chính sách ưu đãi khi chuyển đổi hình thức hoạt động

Trường hợp cơ sở công lập, bán công chuyển đổi sang loại hình cơ sở thực hiện xã hội hoá nếu đáp ứng các yêu cầu nêu tại Điều 2 Quy định này thì được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho tiếp tục sử dụng diện tích đất đang sử dụng dưới hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất, hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất, hoặc cho thuê đất nhưng miễn tiền thuê đất theo hướng dẫn tại Điều 5 Quy định này.

Điều 10. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Xử lý chuyển tiếp

Các dự án xã hội hóa đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được xử lý chuyển tiếp về chính sách ưu đãi như sau:

- Trường hợp chính sách ưu đãi đã được cấp chứng nhận đầu tư cao hơn chính sách ưu đãi tại Quyết định này thì dự án tiếp tục được hưởng theo các chính sách đó cho thời gian còn lại.

- Trường hợp chính sách ưu đãi đã được cấp chứng nhận đầu tư thấp hơn chính sách ưu đãi tại Quyết định này thì được điều chỉnh theo Quyết định này cho thời gian còn lại.

- Đối với các trường hợp thực hiện theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê đã được cơ quan có thẩm quyền thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì không điều chỉnh theo Quyết định này.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước**1. Sở Tài chính**

a) Tổng hợp nhu cầu kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để tạo quỹ đất sạch phục vụ hoạt động XHH thông qua HĐND tỉnh để UBND tỉnh kiến nghị Trung ương hỗ trợ kinh phí theo qui định tại Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ.

b) Chủ trì phối hợp với Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan chức năng tham mưu UBND tỉnh quyết định sử dụng nguồn thu sử dụng đất, nguồn thu XSKT, nguồn ngân sách địa phương... để bồi thường, hỗ trợ tái định cư tạo quỹ đất sạch hoặc hoàn trả chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư do nhà đầu tư ứng trước chi trả đối với các dự án xã hội hóa.

c) Hướng dẫn hồ sơ, quy trình, trình tự thủ tục hoàn trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, kinh phí hỗ trợ chi phí đầu tư hạ tầng đối với các dự án xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

d) Theo dõi việc thực hiện các chính sách về thuế, phí đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa.

đ) Hướng dẫn các cơ sở ngoài công lập trong việc lập dự toán kinh phí, thanh quyết toán kinh phí theo quy định của Nhà nước.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Căn cứ vào danh mục kêu gọi XHH của các ngành, các địa phương đề nghị, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp danh mục kêu gọi XHH từng giai đoạn trình UBND tỉnh thông qua.

b) Hướng dẫn cụ thể việc lựa chọn nhà đầu tư theo phương thức đấu thầu khi có từ hai nhà đầu tư cùng đăng ký một địa điểm để thực hiện dự án xã hội hoá, theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết kiến nghị, vướng mắc của nhà đầu tư trong quá trình triển khai và thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn.

d) Tổng hợp các vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định này; báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn về hồ sơ, trình tự và thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất; phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo ngành, lĩnh vực và địa bàn.

b) Tham mưu UBND tỉnh: Xây dựng quy hoạch, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong đó chú ý đảm bảo bố trí quỹ đất dành cho hoạt động XHH theo đúng qui định hiện hành của pháp luật về đất đai; Công bố công khai quy hoạch sử dụng đất dành cho lĩnh vực XHH; Công bố công khai quy trình, thủ tục giải quyết việc giao đất, cho thuê đất đối với cơ sở thực hiện XHH.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở quản lý chuyên ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra đối với cơ sở thực hiện XHH về việc sử dụng đất theo đúng mục đích, hiệu quả; thực hiện xử lý vi phạm theo thẩm quyền quy định của pháp luật.

4. Sở Xây dựng:

Tham mưu cho UBND tỉnh trong xây dựng quy hoạch, phê duyệt quy hoạch phát triển các khu đô thị mới, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu, trong đó có dành quỹ đất theo quy hoạch để đầu tư xây dựng phát triển các cơ sở thực hiện xã hội hóa.

5. Cục thuế tỉnh:

Hướng dẫn chính sách, thủ tục pháp luật về thuế. Định kỳ báo cáo tình hình ưu đãi về thuế, ưu đãi các khoản liên quan về đất của các cơ sở thực hiện xã hội hóa theo nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ.

6. Ban quản lý Khu Kinh tế Chân Mây - Lăng Cô

a) Tham mưu UBND tỉnh trong việc giao đất cho các nhà đầu tư thực hiện xã hội hóa trong khu kinh tế theo các chính sách tại Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý chuyên ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa về việc sử dụng đất đúng mục đích, hiệu quả đối với các dự án xã hội hóa nằm trong khu kinh tế, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

7. Các Sở chuyên ngành (Giáo dục - Đào tạo; Lao động, Thương binh và Xã hội; Y tế; Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Tài nguyên và Môi trường):

a) Trên cơ sở quy định này xây dựng danh mục dự án XHH cụ thể của ngành, (mỗi dự án bao gồm các thông tin: sự cần thiết kêu gọi XHH, nhu cầu sử dụng đất, dự kiến tổng mức đầu tư, lộ trình đầu tư, hình thức ưu đãi về đất đai, dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hỗ trợ khác...) gửi về Sở kế hoạch và đầu tư trước 31/10 hàng năm để tổng hợp, bổ sung danh mục kêu gọi xã hội hóa của giai đoạn trình UBND tỉnh thông qua làm cơ sở cho việc kêu gọi XHH.

b) Căn cứ vào Nghị định 69/2008/NĐ-CP, Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 và Quyết định 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện thành lập của các cơ sở thực hiện xã hội hóa và xác nhận cho cơ sở thực hiện xã hội hóa đủ điều kiện hưởng các cơ chế chính sách ưu đãi theo Điều 2 Quy định này.

c) Chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện chính sách xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý. Hướng dẫn các cơ sở thực hiện xã hội hóa đăng ký nội dung hoạt động, trình tự thủ tục thực hiện, kiểm tra giám sát hoạt động xã hội hóa;

d) Xây dựng kế hoạch đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định;

e) Định kỳ hàng năm, tổng hợp tình hình thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý toàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi các Bộ chuyên ngành trước ngày 31 tháng 01 năm sau theo quy định, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính;

f) Phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác thanh tra kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ, xử lý vi phạm đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong quá trình hoạt động.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế

a) Phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng và trình phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho nhu cầu xã hội hóa đối với hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao; môi trường; Theo phân cấp quản lý xác nhận cho cơ sở thực hiện xã hội hóa đủ điều kiện hưởng các cơ chế chính sách ưu đãi theo Điều 2 Quy định này.

b) Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực xã hội hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Thực hiện công tác giải phóng mặt bằng (bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với quỹ đất phục vụ hoạt động xã hội hóa) trước khi giao đất, cho thuê đất theo quy hoạch cho cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với đất phục vụ hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa do Ngân sách tỉnh đảm bảo.

d) Chỉ đạo việc triển khai, theo dõi, quản lý cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi quản lý.

e) Định kỳ hàng năm, tổng hợp tình hình thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi quản lý gửi về các Sở chuyên ngành trước ngày 15 tháng 01 năm sau, để tổng hợp báo cáo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hoá

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ, cơ sở thực hiện xã hội hóa còn phải có những trách nhiệm sau:

1. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan trong việc giải phóng mặt bằng và triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của Nhà nước.

2. Khi UBND tỉnh đầu tư kinh phí để giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch giao cho nhà đầu tư thực hiện xã hội hóa nhưng sau khi nhận đất nhà đầu tư không triển khai thực hiện toàn bộ dự án hoặc triển khai nhưng không theo đúng tiến độ đã đăng ký hoặc sử dụng đất không đúng mục đích, sử dụng đất không hiệu quả mà không có lý do chính đáng được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận thì Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ thu hồi đất đã giao cho nhà đầu tư. Đồng thời nhà đầu tư phải nộp ngân sách nhà nước toàn bộ tiền thuê đất được miễn theo giá đất tại thời điểm bị thu hồi đối với thời gian sử dụng không đúng mục đích và phải nộp ngân sách nhà nước những khoản cơ sở thực hiện xã hội hóa đã được ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ.

3. Hàng năm trước 31/10 các cơ sở xã hội hóa phải có văn bản đăng ký kế hoạch và nhu cầu đề nghị hoàn trả chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nhằm thực hiện công tác giải phóng mặt bằng đối với các dự án xã hội hóa gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục dự án xã hội hóa phải hoàn trả giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

4. Định kỳ hàng tháng, quý báo cáo tiến độ triển khai thực hiện dự án cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nơi có dự án.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh quy định

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu phát sinh vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, các cơ sở thực hiện xã hội hoá và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có ý kiến bằng văn bản về Sở Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Cao